UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ **SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 193 /TTr-SNN&PTNT	*Thanh Hóa, ngày 03 tháng 12 năm 2018*

TỜ TRÌNH

V/v phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán Công trình: Xử lý khẩn cấp đê hữu sông Mã (đoạn K39+350 ÷ K39+550) phường Hàm Rồng, thành phố Thanh Hóa

Kính gửi: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ các Luật của Quốc hội: Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13; Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng về quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 89/QĐ-UBND ngày 08/01/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt kinh phí khắc phục, sửa chữa các công trình bị thiệt hại do mưa, lũ gây ra từ nguồn dự phòng ngân sách tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 94/QĐ-UBND ngày 08/01/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt kinh phí khắc phục, sửa chữa các công trình bị thiệt hại do mưa bão, lũ quét, ... gây ra từ nguồn Trung ương hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 4185 /UBND-NN ngày 25/10/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh dự án Xử lý khẩn cấp đê hữu sông Mã (đoạn K39+350 - K39+550) phường Hàm Rồng, thành phố Thanh Hóa;

Căn cứ Công văn số 1419/PCTT-QLĐĐ ngày 22/11/2018 của Tổng cục Phòng, chống thiên tai về việc thông báo kết quả thẩm định thiết kế bản vẽ thi công và dự toán dự án Xử lý khẩn cấp đê hữu sông Mã (đoạn K39+350 - K39+550) phường Hàm Rồng, TP. Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Công văn số 14975/UBND-NN ngày 27/11/2018 của UBND tỉnh về việc phương án đảm bảo an toàn giao thông đường thủy nội địa công trình Xử lý khẩn cấp đê hữu sông Mã (đoạn K39+350 ÷ K39+550) phường Hàm Rồng, thành phố Thanh Hóa;

Trên cơ sở đề nghị của Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và PTNT Thanh Hoá tại Công văn số 868/BQLDANN-ĐHDA3 ngày 23/11/2018 về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán công trình Xử lý

khẩn cấp đê hữu sông Mã (đoạn K39+350 ÷ K39+550) phường Hàm Rồng, thành phố Thanh Hóa; kèm theo Báo cáo kết quả thẩm tra tại Công văn số 245/BCTTr-CSTT ngày 15/11/2018 của Trung tâm Chính sách và Kỹ thuật phòng chống thiên tai - Tổng cục Phòng, chống thiên tai;

Sở Nông nghiệp và PTNT kính trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán công trình Xử lý khẩn cấp đê hữu sông Mã (đoạn K39+350 ÷ K39+550) phường Hàm Rồng, thành phố Thanh Hóa, với những nội dung chính như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TRÌNH:

1. Tên công trình: Xử lý khẩn cấp đê hữu sông Mã (đoạn K39+350 ÷ K39+550) phường Hàm Rồng, thành phố Thanh Hóa.

2. Loại, cấp công trình: Công trình đê điều, cấp I.

3. Thuộc dự án đầu tư: Xử lý khẩn cấp đê hữu sông Mã (đoạn K39+350 ÷ K39+550) phường Hàm Rồng, thành phố Thanh Hóa.

4. Chủ đầu tư: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Thanh Hóa.

5. Nguồn vốn: Ngân sách nhà nước, từ nguồn Trung ương hỗ trợ (theo Quyết định số 94/QĐ-UBND ngày 08/01/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh) và nguồn dự phòng ngân sách tỉnh (theo Quyết định số 89/QĐ-UBND ngày 08/01/2018 và Công văn số 11121/UBND-NN ngày 13/9/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh).

6. Địa điểm xây dựng: Nằm trên tuyến đê hữu sông Mã thuộc phường Hàm Rồng, thành phố Thanh Hóa.

7. Nhà thầu thiết kế, lập dự toán xây dựng công trình: Trung tâm Khoa học và Triển khai kỹ thuật thủy lợi - Trường Đại học Thủy lợi.

8. Đơn vị thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công và dự toán: Trung tâm Chính sách và Kỹ thuật phòng chống thiên tai - Tổng cục Phòng, chống thiên tai.

II. THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG VÀ DỰ TOÁN:

Nội dung theo Công văn số 1419/PCTT-QLĐĐ ngày 22/11/2018 của Tổng cục Phòng, chống thiên tai về việc thông báo kết quả thẩm định thiết kế bản vẽ thi công và dự toán dự án Xử lý khẩn cấp đê hữu sông Mã (đoạn K39+350-K39+550) phường Hàm Rồng, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa, cụ thể như sau.

1. Quy mô, giải pháp kỹ thuật chủ yếu:

a) Đoạn 1: từ K0 ÷ K0+168,5 chiều dài 168,5m, kết cấu như sau:

- Chân kè: Cao trình chân kè (+0.80)m; chân kè là 1 hàng cọc khoan nhồi bê tông cốt thép (BTCT), đường kính cọc D600mm, chiều dài cọc L = 15 m, khoảng cách giữa 2 cọc liên tiếp tính từ tim cọc là 1,5 m (thi công cọc khoan nhồi bằng máy có trọng lượng không quá 6T). Khóa đầu cọc bằng dầm BTCT dọc theo tuyến kè, tiết diện dầm (BxH) = (0,6x0,8)m.

+ Tiếp giáp hàng cọc khoan nhồi ra phía lòng sông, tạo cơ chân kè ở cao trình (+0.80)m, rộng từ (5÷7)m bằng rọ thép đá hộc, kích thước (2x1x0,5)m;

những vị trí cơ chân kè nằm trên đất tự nhiên, phía dưới rọ thép đá hộc là đá dăm lót (1x2)cm dày 20 cm và lớp vải lọc.

+ Từ cao trình (+0.80)m xuống đến (-1.37)m (dưới mực nước thi công 0,5 m): Gia cố bằng rọ đá, kích thước rọ (2x1x0,5)m.

+ Từ cao trình (-1.37)m xuống đến lòng sông: Đối với những khu vực lòng sông có hệ số mái m ≥ 2, gia cố bằng rồng thép lõi đá hộc, dài 10 m, đường kính 60 cm (thả song song với dòng chảy). Đối với những khu vực chân kè xói cục bộ và lòng sông có hệ số mái m < 2, đổ lăng thể đá hộc tạo mái m = 2 trước khi gia cố rồng thép lõi đá hộc.

- Mái kè: Hệ số mái m = 2, từ cao trình (+0.80)m đến (+5.00)m gia cố bằng cấu kiện bê tông đúc sẵn M250, kích thước (40x40x16)cm, trong khung ô được tạo bởi các dầm BTCT M250 ngang và dọc mái kè; phía dưới cấu kiện bê tông là lớp đá (1x2) dày 20 cm và lớp vải lọc.

+ Tạo cơ kè ở cao trình (+3.50)m, nền được gia cố bằng bê tông M200 dày 20 cm, mặt lát đá tự nhiên kích thước (30x30x3)cm; phía trong cơ là rãnh thoát nước bằng BTCT đúc sẵn M250, kích thước lòng rãnh (22x30)cm; phía ngoài là dầm BTCT M250, đỉnh dầm lắp đặt lan can bằng thép mạ kẽm (hình dáng kiến trúc tương đồng với hệ thống lan can hiện có).

+ Đoạn từ K0+103,5 ÷ K0+168,5 dài 70 m phía dưới mái kè được bố trí tầng lọc thoát nước được tạo bởi các lớp lọc gồm vải lọc, đá (1x2)cm và đá (4x6)cm trước khi gia cố mái.

- Từ cao trình đỉnh kè (+5.00)m đến đỉnh đê hiện có (+7.10 ÷ +7.20)m: Lắp đặt các khung Block bằng bê tông đúc sẵn, bên trong khung được trồng cỏ để chống xói lở và tạo cảnh quan.

b) Đoạn 2: từ K0+168,5 ÷ K0+188 chiều dài 19,5m: Thuộc phạm vi bậc lên xuống bến thuyền, gia cố chân kè với kết cấu như đoạn 1, cơ chân kè rộng 4 m.

2. Giá trị dự toán xây dựng: 34.197.000.000 đồng (Ba mươi tư tỷ một trăm chín mươi bảy triệu đồng chẵn). Trong đó:

- Chi phí xây dựng:	26.257.853.000	đồng
- Chi phí quản lý dự án:	682.864.000	đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	2.613.272.000	đồng
- Chi phí khác:	2.270.669.000	đồng
- Chi phí dự phòng:	2.372.342.000	đồng
Tổng cộng:	**34.197.000.000**	**đồng**

(Có Công văn số 1419/PCTT-QLĐĐ ngày 22/11/2018 của Tổng cục Phòng, chống thiên tai tại về việc thông báo kết quả thẩm định thiết kế bản vẽ thi công và dự toán dự án Xử lý khẩn cấp đê hữu sông Mã (đoạn K39+350 - K39+550) phường Hàm Rồng, TP. Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa kèm theo)

3. Về phương án đảm bảo an toàn giao thông đường thủy nội địa:

Giá trị dự toán xây dựng nêu trên đã bao gồm chi phí đảm bảo an toàn giao

thông thủy, với giá trị tạm tính (theo Báo cáo kết quả thẩm tra tại Công văn số 245/BCTTr-CSTT ngày 15/11/2018 của đơn vị tư vấn thẩm tra) là 937,603 triệu đồng. Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại Công văn số 14975/UBND-NN ngày 27/11/2018; Sở Nông nghiệp và PTNT đã tổ chức lập phương án đảm bảo an toàn giao thông đường thủy nội địa công trình, hiện nay đang trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định theo quy định. Sau khi có kết quả thẩm định, Sở sẽ báo cáo và đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, phê duyệt và bổ sung vào hồ sơ dự án.

Sở Nông nghiệp và PTNT kính trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán công trình Xử lý khẩn cấp đê hữu sông Mã (đoạn K39+350 ÷ K39+550) phường Hàm Rồng, thành phố Thanh Hóa./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Ban QLDA ĐTXD các công trình nông nghiệp và PTNT (để cấp hồ sơ);
- Lưu: VT, QLXDCT, Mười, Tuấn.

GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
TỈNH THANH HÓA

Lê Đức Giang

BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN CÔNG TRÌNH

Công trình : Xử lý khẩn cấp đê hữu sông Mã (Đoạn K39+350 đến K39+550), phường Hàm Rồng, Thành phố Thanh Hóa

Kèm theo Tờ trình số 4193/TTr-SNN&PTNT ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Giám đốc sở Nông nghiệp & PTNT Thanh Hóa

Đơn vị tính : đồng

STT	Khoản mục chi phí	Ký hiệu	Định mức	Cách tính	Chi phí trước thuế	Thuế giá trị gia tăng	Chi phí sau thuế
1	**Chi phí xây dựng**	**Gcpxd**			**23.870.775.042**	**2.387.077.504**	**26.257.853.000**
1.1	*Chi phí xây dựng công trình chính, phụ trợ tạm phục vụ thi công*	*Gxd*			*23.870.775.042*	*2.387.077.504*	*26.257.853.000*
2	**Chi phí quản lý dự án**	**Gqlda**	**2,601 %**	**xGxd**	**620.785.763**	**62.078.576**	**682.864.000**
3	**Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng**	**Gtv**			**2.375.701.740**	**237.570.174**	**2.613.272.000**
A	**Giai đoạn chuẩn bị đầu tư**				**694.822.727**	**69.482.273**	**764.305.000**
3.1	*Chi phí khảo sát+ thăm dò địa vật lý*	*Gtv1*	QĐ 4185/QĐ-UBND ngày 25/10/2018		*462.711.818*	*46.271.182*	*508.983.000*
3.2	*Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát xây dựng*	*Gtv2*			*13.881.818*	*1.388.182*	*15.270.000*
3.3	*Chi phí giám sát công tác khảo sát XD*	*Gtv3*			*18.841.818*	*1.884.182*	*20.726.000*
3.4	*Chi phí lập báo cáo nghiên cứu khả thi*	*Gtv4*			*199.387.273*	*19.938.727*	*219.326.000*
B	**Giai đoạn thực hiện dự án**				**1.680.879.012**	**168.087.901**	**1.848.966.914**
3.5	*Chi phí khảo sát giai đoạn TKBVTC*		QĐ 4185/QĐ-UBND ngày 25/10/2018		*215.383.636*	*21.538.364*	*236.922.000*
	- Chi phí khảo sát địa hình, địa chất				201.158.182	20.115.818	221.274.000
	- Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát				6.034.545	603.455	6.638.000
	- Chi phí giám sát công tác KSXD				8.190.909	819.091	9.010.000
3.6	*Chi phí khảo sát giai đoạn TKBVTC bổ sung*		QĐ 1043/QĐ-SNN&PTNT ngày 17/10/2018		*55.923.482*	*5.592.348*	*61.515.830*
	- Chi phí khảo sát địa hình				52.229.794	5.222.979	57.452.773
	- Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát				1.566.893	156.689	1.723.582
	- Chi phí giám sát công tác KSXD				2.126.795	212.680	2.339.475
3.7	*Chi phí lập thiết kế bản vẽ thi công*	*Gtv5*	QĐ 4185/QĐ-UBND ngày 25/10/2018		*794.882.727*	*79.488.273*	*874.371.000*
3.8	*Chi phí thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công*	*Gtv19*	0,158 %	xGxd	*37.739.695*	*3.773.970*	*41.513.665*
3.9	*Chi phí thẩm tra dự toán công trình*	*Gtv20*	0,153 %	xGxd	*36.515.125*	*3.651.513*	*40.166.638*

STT	Khoản mục chi phí	Ký hiệu	Định mức	Cách tính	Chi phí trước thuế	Thuế giá trị gia tăng	Chi phí sau thuế
3.10	*Chi phí giám sát thi công xây dựng*	*Gtv30*	2,264 %	xGxd	*540.434.347*	*54.043.435*	*594.477.782*
4	**Chi phí khác**	**Gk**			**2.084.814.345**	**185.854.337**	**2.270.669.000**
4.1	*Chi phí Đảm bảo an toàn thi công thủy*	*Gk1*	TT		*852.366.364*	*85.236.636*	*937.603.000*
4.2	*Chi phí hạng mục chung*	*Gk2*			*744.284.582*	*74.428.458*	*818.713.040*
4.3	*Phí thẩm định thiết kế (Thông tư 210/2016/TT-BTC)*	*Gk3*	0,111 %	xGxd	*26.403.464*	*0*	*26.403.464*
4.4	*Phí thẩm định dự toán (Thông tư 210/2016/TT-BTC)*	*Gk4*	0,107 %	xGxd	*25.448.633*	*0*	*25.448.633*
4.5	*Phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng (Thông tư 209/2016/TT-BTC)*	*Gk5*	QĐ 239/QĐ-SNN&PTNT ngày 27/ 3/2018		*3.872.000*	*0*	*3.872.000*
4.6	*Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán*	*Gk7*	0,549 %	xTMĐT	*160.546.878*	*0*	*160.546.878*
4.7	*Phí bảo hiểm công trình (Phụ lục 7 - Thông tư 329/2016/TT-BTC)*	*Gk9*	1,040 %	xGxd	*248.256.060*	*24.825.606*	*273.081.666*
4.8	*Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu của cơ quan quản lý nhà nước*				*10.000.000*		*10.000.000*
4.9	*Chi phí thẩm định giá*		TT		*13.636.364*	*1.363.636*	*15.000.000*
5	**Chi phí dự phòng**	**Gdp**					**2.372.342.000**
	TỔNG CỘNG						**34.197.000.000**
Bằng chữ : Ba mươi bốn tỷ một trăm chín mươi bảy triệu đồng chẵn.							